

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 21 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Tuấn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Trần Thanh T, sinh năm 1984; nơi sinh, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1961; có vợ là Nguyễn Thị Thùy E, sinh năm 1993 (chưa đăng ký kết hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N; “có mặt”.

2. Trần Thị H1, sinh năm 1984; nơi sinh, nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; chồng là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm

2004, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/10/2024 cho đến nay; “có mặt”.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1976 (đã chết).

- Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; “vắng mặt”;

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; “vắng mặt”;

Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Cà M2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ F, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; “có mặt”.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị P, “vắng mặt”;

2. Anh Đỗ Xuân K, “vắng mặt”;

3. Ông Trần Văn Q, “vắng mặt”;

4. Trương Công K1, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12/10/2024, Trần Thanh T cùng Trương Công T2, Trương Công K1 và Trương Công H2 đều trú tại đường P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đến quán “Phở bò giao cù” ở tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện H do Trần Thị H1 làm chủ để ăn uống. Tại quán, nhóm của T gọi 01 thùng bia S xanh, H1 là người trực tiếp bán bia và chứng kiến T, T2, K1, H2 uống bia. Sau khi uống bia xong T không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn là 0,288 mg/lít khí thở nhưng vẫn hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO biển kiểm soát 30N7-5815, có dung tích xilanh 132,6 cm³ do Trần Thị H1 đang quản lý để đi mua đồ thì H1 đồng ý và đưa chìa khóa xe cho T. Đến 12 giờ 40 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 30N7-5815, phía sau chở K1 đi trên đường Q hướng tổ dân phố A đến tổ dân phố số H, thị trấn T. Khi đi đến khu vực thuộc tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện H, T thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirena biển kiểm soát 29M2-1385 do anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1976, ở ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang điều khiển đi cùng chiều phía trước. T điều khiển xe mô tô đi giữa đường đồng thời tăng ga để vượt. Tuy nhiên khi vượt T không báo hiệu xin vượt, vượt xe không đúng quy định dẫn đến phần lốp bánh trước xe mô tô do T điều khiển xô vào

lốc máy bên trái xe mô tô do anh M1 điều khiển đang rẽ trái sang đường. Hậu quả: Anh Nguyễn Văn M1 bị ngã đập đầu xuống đường và chết trên đường đi cấp cứu do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ; 02 xe mô tô bị hư hỏng. Sau đó, Trần Thanh T đến Công an huyện H đầu thú. Quá trình điều tra, Trần Thanh T và Trần Thị H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1732/KLGĐTT-KTHS ngày 18/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N, kết luận: Nạn nhân Nguyễn Văn M1 chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Bản kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 04/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 30N7-5815 là 1.750.000 đồng. Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 29M2-1385 là 890.000 đồng

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thanh T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại đã nhận số tiền trên và yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường thêm số tiền 148.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thanh T nhất trí bồi thường nhưng do hiện đang bị tạm giam, không có tài sản nên xin được bồi thường sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-HH ngày 20/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Trần Thị H1 về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị H1 thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội; ăn năn, hối lỗi và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Trần Thanh T, Trần Thị H1 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2024.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H1 phạm tội “Giao cho người không đủ

điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường thêm số tiền 148.000.000 đồng. Bị cáo T nhất trí bồi thường thêm số tiền này nên ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất về việc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 148.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận gì; các bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị H1 khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông và các kết luận giám định, định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trưa ngày 12/10/2024, Trần Thị H1 mặc dù biết rõ Trần Thanh T đang trong tình trạng có sử dụng rượu bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng vẫn giao xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO biển kiểm soát 30N7-5815, có dung tích xilanh 132,6 cm³ cho T điều khiển tham gia giao thông làm chết người. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, Trần Thanh T không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn 0,288 mg/lít khí thở điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 30N7-5815, phía sau chở Trương Công K1 đi trên đường Q hướng tổ dân phố A đi tổ dân phố số H, thị trấn T. Khi đi đến khu vực thuộc tổ dân phố số A, thị

trần T, huyện H, thấy anh Nguyễn Văn M1 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirena biển kiểm soát 29M2-1385 đi cùng chiều phía trước, T điều khiển xe mô tô đi giữa đường tăng ga để vượt nhưng không báo hiệu xin vượt, vượt xe không đúng quy định nên đã xô vào xe mô tô anh M1 điều khiển đang rẽ trái sang đường. Hậu quả: Anh Nguyễn Văn M1 bị chết trên đường đi cấp cứu do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã vi phạm quy định tại khoản 8, 9 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, được sửa đổi bổ sung năm 2019 nên đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Thị H1 đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng của người khác. Bị cáo T đã điều khiển phương tiện giao thông có động cơ là nguồn nguy hiểm cao độ trong khi không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định và trong hơi thở có nồng độ cồn. Bị cáo H1 biết bị cáo T sử dụng rượu bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn mà vẫn giao xe cho bị cáo T điều khiển làm chết người. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T và bị cáo H1 chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đã ra đầu thú và tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cần cách ly bị cáo Trần Thanh T ra khỏi xã hội một thời gian nhất định. Bị cáo Trần Thị H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự “người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”; khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự quy định “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo T không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tự nguyện khắc phục hậu quả, tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại đã nhận số tiền trên và yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường thêm số tiền 148.000.000 đồng. Bị cáo T nhất trí bồi thường số tiền này nhưng đang bị tạm giam, không có tài sản nên xin được bồi thường sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo biển kiểm soát 30N7-5815 mà bị cáo H1 đã giao cho bị cáo T điều khiển là của khách không quen biết bỏ lại tại quán ăn của H1, xe mô tô nhãn hiệu Sirena, biển kiểm soát 29M2-1385 do anh Nguyễn Văn M1 điều khiển, hiện chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tách 02 chiếc xe này ra để xác minh xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Thanh T và bị cáo Trần Thị H1 phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Do trong quá trình điều tra bị cáo T và gia đình bị hại đã thỏa thuận được số tiền bị cáo phải bồi thường thêm nên bị cáo T không phải nộp án phí dân sự.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H1.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo Trần Thị H1 phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

3. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 10 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự huyện H, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

4. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Trần Thị H1.

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 591 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trần Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Văn M1 số tiền 148.000.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả trên thì còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Trần Thanh T, Trần Thị H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Thanh T và Trần Thị H1, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Công an huyện Hải Hậu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND thị trấn Thịnh Long;
- UBND xã Long Hòa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Thị Thanh Xuân